



KỸ THUẬT NGHIỆP VỤ NGOẠI THƯƠNG



Người trình bày: Nguyễn Phạm Như Hà
Cục GSQL về Hải quan – Tổng cục Hải quan

NỘI DUNG BÀI GIẢNG

I

VẬN TẢI
TRONG
HOẠT ĐỘNG
NGOẠI
THƯƠNG

II

THANH
TOÁN QUỐC
TẾ



VẬN TẢI TRONG HOẠT ĐỘNG NGOẠI THƯƠNG

KẾT CẤU BÀI GIẢNG

- 1. KHÁI QUÁT VỀ VẬN TẢI TRONG HOẠT ĐỘNG NGOẠI THƯƠNG**
- 2. VẬN ĐƠN ĐƯỜNG BIỂN**
- 3. VẬN ĐƠN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG**



KHÁI QUÁT VỀ VẬN TẢI TRONG HOẠT ĐỘNG NGOẠI THƯƠNG

- Khái niệm vận tải quốc tế: là loại hình vận tải mà hoạt động của nó đã vượt ra khỏi phạm vi biên giới của quốc gia. Nói cách khác, hàng hóa được vận chuyển vượt ra khỏi quốc gia để đến quốc gia khác
- Phân chia trách nhiệm vận tải trong hoạt động ngoại thương:
 - + Trách nhiệm vận tải là trách nhiệm tổ chức vận chuyển hàng hóa từ nơi giao hàng (bên bán) đến nơi nhận hàng cuối cùng (bên mua).
 - + Việc phân chia trách nhiệm vận tải trong hoạt động mua bán quốc tế chính và việc xác định ai là người các trách nhiệm ký kết hợp đồng vận tải và thanh toán tiền cước phí cho người vận chuyển (quyền vận tải).



KHÁI QUÁT VỀ VẬN TẢI TRONG HOẠT ĐỘNG NGOẠI THƯƠNG

Ý NGHĨA CỦA VIỆC GIÀNH QUYỀN VẬN TẢI

- Chủ động trong việc lựa chọn phương thức vận chuyển, tuyến đường vận chuyển...có lợi nhất về chi phí, thời gian vận chuyển, đảm bảo an toàn
- Chủ động trong việc vận chuyển và giao nhận hàng hóa;
- Chủ động lựa chọn người chuyên chở, có nhiều cơ hội lựa chọn thuê phương tiện vận chuyển trong nước giúp tăng thu ngoại tệ cho đất nước...



VẬN ĐƠN ĐƯỜNG BIỂN

Khái niệm và chức năng của vận đơn đường biển

Vận đơn đường biển – Bill of lading:

- Là bằng chứng của hợp đồng chuyên chở.
- Là biên lai nhận hàng để chở của người chuyên chở
- Là bằng chứng xác nhận quyền sở hữu hàng hóa ghi trên vận đơn.



VẬN ĐƠN ĐƯỜNG BIỂN

Phân loại vận đơn đường biển

Căn cứ vào tình trạng xếp dỡ:

- + Vận đơn xếp hàng (Shipped on board): Cấp khi hàng đã được xếp lên tàu
- + Vận đơn nhận hàng để xếp (Received for shipment B/L): Cấp khi nhận hàng để xếp lên tàu ghi trên vận đơn

VẬN ĐƠN ĐƯỜNG BIỂN

Phân loại vận đơn đường biển

Căn cứ vào khả năng lưu thông của vận đơn

- + Vận đơn theo lệnh (B/L to Order): không ghi rõ tên người nhận, ghi theo lệnh của người xếp hàng, nhận hàng, hoặc ngân hàng, có thể chuyển nhượng bằng ký hậu.
- + Vận đơn đích danh (Straight B/L): Ghi rõ tên, địa chỉ của người nhận hàng. Loại vận đơn này không thể chuyển nhượng bằng cách ký hậu.
- + Vận đơn vô danh (B/L to Bearer): không ghi tên người nhận hoặc người hưởng lợi nào khác.

VẬN ĐƠN ĐƯỜNG BIỂN

Phân loại vận đơn đường biển

Căn cứ vào nhận xét, ghi chú trên vận đơn:

- Vận đơn hoàn hảo (Clean B/L): Không ghi chú xấu hay ghi chú bảo lưu của thuyền trưởng về hàng hóa hoặc tình trạng bên ngoài của hàng hóa.
- Vận đơn không hoàn hảo (unclean B/L): có ghi chú xấu về hàng hoặc tình trạng bên ngoài của hàng hóa. Ví dụ: bao bì bị rách, ký hiệu không rõ ràng



VẬN ĐƠN ĐƯỜNG BIỂN

Phân loại vận đơn đường biển

Căn cứ vào hành trình chuyên chở của hàng hóa :

- Vận đơn đi thẳng (Direct B/L): Hàng hoá vận chuyển từ cảng đi đến cảng đến bằng một con tàu, tức là không phải chuyển tải dọc đường.
- Vận đơn đi suốt (Through B/L) : Hàng hoá vận chuyển từ cảng đi đến cảng đến bằng hai hoặc nhiều con tàu, tức là hàng hoá phải chuyển tải dọc đường.
- Vận đơn vận tải đa phương thức (combined transport B/L): chuyên chở bằng 2 hoặc nhiều phương thức vận tải, trong đó có vận tải đường biển.



VẬN ĐƠN ĐƯỜNG BIỂN

MAERSK LINE		COMBINED TRANSPORT BILL OF LADING	
Shipper's Name and Address BCD EDWARDS LTD. 103 AEC STREET MISSISSAUGA, ONT. CANADA L4Z 3K5 PHONE: (905) 600-0000 Telex: 0000000000 TO THE ORDER OF VITARA BANK LTD.		Bill of Lading No. 000 Equity Reference CFF/99570A	
Consignee's Name and Address ANK BUYER INC. 200 BUYER STREET CHITTAGONG BANGLADESH		Forwarding Agent's Name and Address CROWN FREIGHT FORWARDERS LTD 375 TRADERS BIVILLE BLVD MISSISSAUGA ON L4Z 3K5 Phone: (905) 600-0000	
Place of Receipt TORONTO		Place of Delivery CHITTAGONG	
Carrier's Name SL CHAMPION		Carrier's Name CHITTAGONG	
Carrier's Receipt CHITTAGONG CARRIER'S RECEIPT Shipment No. and Date Marks and Numbers		Particulars Furnished by Shipper - Carrier Not Responsible SHIPPER'S LOAD, STOW AND COUNT X 20' CONTAINERS S.T.C. 15 BDLs 42.25 X-TONS B.P. SHEET/COLOUR SHEET SECONDARY QUALITY. SIZE: 3 FEET N UP X 6 FEET N UP. THICKNESS: 5/16" 22 & LIGHTER PACKING: STANDARD EXPORT PACKING L/C NO. 111 100000000 ON BOARD SL CHAMPION 043E PORT OF LOADING HALIFAX ON SEPT 13, 99 16 DAYS FREE DEMURRAGE	
Weight & Measure MAEU SEAL 000 BDL 25-31 APRU SEAL 000 BDL 32-39		Weight & Measure LBS 94242.000	
Origin & Date TORONTO SEP 13 1999		Origin & Date CHITTAGONG SEP 11 1999	
Signature of Shipper 3/3 TORONTO This bill of lading is valid only when used in a Combined Transport Bill of Lading		Signature of Carrier MAERSK CANADA INC. THE CARRIER SEP 13 1999	



NỘI DUNG VẬN ĐƠN ĐƯỜNG BIỂN

Mặt trước:

- Thông tin về người gửi hàng – Shipper: Đầy đủ tên, địa chỉ theo đăng ký kinh doanh, hợp đồng mua bán , LC giữa 2 bên
- Thông tin về người nhận hàng – Consignee: Đầy đủ tên, địa chỉ theo đăng ký kinh doanh, hợp đồng mua bán, LC giữa 2 bên
- Thông tin về người được thông báo: Notify address
- Số vận đơn : Bill of lading No.
- Thông tin về con tàu Vessel : Hàng được xếp lên tàu nào, số chuyến



NỘI DUNG VẬN ĐƠN ĐƯỜNG BIỂN

Mặt trước:

- Cảng xếp hàng: Port of loading:
- Cảng dỡ hàng: Port of discharge
- Địa điểm giao hàng: Place of delivery
- Mark and Number: Số ghi chú marking của hàng hoá trên bao bì, số cont/ số chì container mà hàng hoá được load vào, đặc biệt lưu ý với hàng lẻ - LCL
- Mô tả hoá / Số kiện (kind of packages, description of goods)



NỘI DUNG VẬN ĐƠN ĐƯỜNG BIỂN

Mặt trước:

- Trọng lượng, thể tích của hàng hoá: Gross weight, Measurement : Đơn vị là kg / cbm
- Cước phí : Prepaid or Collect
- Ngày on board / Ngày và nơi ký phát vận đơn
- Số lượng vận đơn : vận đơn gốc hay copy



NỘI DUNG VẬN ĐƠN ĐƯỜNG BIỂN

Mặt sau:

- Các khái niệm
- Trách nhiệm của người chuyên chở
- Miễn trách nhiệm của người chuyên chở
- Quy định về xếp dỡ, bảo quản hàng hóa
- Cước phí, phụ phí
- Điều khoản về chiến tranh, đình công, bạo động, nổi loạn dân sự
- Điều khoản về chậm giao hàng
- Điều khoản về tổ thất chung
- Điều khoản hai tàu đâm, va nhau cùng có lỗi
- Điều khoản tối cao



VẬN ĐƠN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG

Khái niệm: Vận đơn hàng không là chứng từ do người chuyên chở phát hành để xác nhận việc nhận lô hàng để vận chuyển bằng máy bay. Thuật ngữ này trong tiếng Anh là **Air waybill**, thường viết tắt là AWB



VẬN ĐƠN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG

Chức năng:

- Là bằng chứng của hợp đồng chuyển chở
- Là bằng chứng của việc nhận hàng để chở
- Là hóa đơn thanh toán cước phí (nếu trên AWB thể hiện cước phí và chi phí đã thu)
- Là giấy chứng nhận bảo hiểm
- Là hướng dẫn đối với nhân viên hàng không



PHÂN LOẠI VẬN ĐƠN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG

Căn cứ vào việc gom hàng:

- Vận đơn chủ, MAWB là *Master Air Waybill* do người chuyên chở hàng không cấp cho người gom hàng có vận đơn nhận hàng ở sân bay đích.
- Vận đơn gom hàng HAWB là viết tắt của *House Air Waybill* do người gom hàng cấp cho các chủ hàng lẻ khi nhận hàng từ họ để các chủ hàng lẻ có vận đơn đi nhận hàng ở nơi đến.



PHÂN LOẠI VẬN ĐƠN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG

Căn cứ vào người phát hành:

– Vận đơn trung lập (*Neutral airway bill*):

Loại vận đơn này do người khác chứ không phải do người chuyên chở phát hành hành, trên vận đơn không có biểu tượng và mã nhận dạng của người chuyên chở. Vận đơn này thường do đại lý của người chuyên chở hay người giao nhận phát hành.

– Vận đơn của hãng hàng không (*Airline airway bill*):

Vận đơn này do hãng hàng không phát hành, trên vận đơn có ghi biểu tượng và mã nhận dạng của người chuyên chở (issuing carrier identification).



NỘI DUNG VẬN ĐƠN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG

406 -		- 0000 0000		406 - 0000 0000	
1 SHIPPER'S NAME AND ADDRESS		SHIPPER'S ACCOUNT NUMBER		NOT NEGOTIABLE AIR WAYBILL (AIR CONSIGNMENT NOTE) 	
2 CONSIGNEE'S NAME AND ADDRESS		CONSIGNEE'S ACCOUNT NUMBER		Copies 1, 2, and 3 of this Air Waybill are originals and have the same validity. It is agreed the goods described herein are accepted in apparent good order and condition (except as noted) for carriage SUBJECT TO THE CONDITIONS OF CONTRACT ON THE REVERSE HEREOF (also available at www.ups.com). ALL GOODS MAY BE CARRIED BY ANY OTHER MEANS INCLUDING ROAD OR ANY OTHER CARRIER UNLESS SPECIFIC CONTRARY INSTRUCTIONS ARE GIVEN HEREON BY THE SHIPPER, AND SHIPPER AGREES THAT THE SHIPMENT MAY BE CARRIED VIA INTERMEDIATE STOPPING PLACES WHICH THE CARRIER DEEMS APPROPRIATE. THE SHIPPER'S ATTENTION IS DRAWN TO THE NOTICE CONCERNING CARRIER'S LIMITATION OF LIABILITY. SHIPPER may increase such limitation of liability by declaring a higher value for carriage and paying a supplemental charge. Received in good order and condition at 20 Place on 21 Date/Time 22 Signature of Consignee or his agent 23	
ISSUING CARRIER'S AGENT NAME AND CITY				24 ALSO NOTIFY NAME AND ADDRESS (OPTIONAL ACCOUNTING INFORMATION)	
AGENT'S IATA CODE		ACCOUNT NO.			
3 AIRPORT OF DEPARTURE (ADDRESS OF FIRST CARRIER) AND REQUESTED ROUTING					
ROUTING AND DESTINATION BY FIRST CARRIER		TO BY TO BY		CURRENCY 5 WT/VAL 6 OTHER 6 DECLARED VALUE FOR CARRIAGE 6 DECLARED VALUE FOR CUSTOMS 6	
4 AIRPORT OF DESTINATION		FOR CARRIER USE ONLY FLIGHT/DATE		AMOUNT OF INSURANCE 5 INSURANCE - If shipper requests insurance in accordance with conditions on reverse hereof, indicate amount to be insured in figures in box marked amount of insurance.	
7 HANDLING INFORMATION					
The shipper certifies that these commodities, technology or software were exported from the United States in accordance with the Export Administration Regulations. Diversion contrary to U.S. law is prohibited.					
8 NO. OF PIECES RCP	9 GROSS WEIGHT kg lb	10 RATE CLASS COMMODITY ITEM NO.	11 CHARGEABLE WEIGHT	12 RATE CHARGE	13 TOTAL
14 NATURE AND QUANTITY OF GOODS (INCL. DIMENSIONS OR VOLUME)					
A. PREPAID		B. WEIGHT CHARGE		C. COLLECT	
D. VALUATION CHARGE		E. TAX		F. PICKUP CHARGES	
G. TOTAL OTHER CHARGES DUE AGENT		H. TOTAL OTHER CHARGES DUE CARRIER		I. DELIVERY CHARGES	
J. TOTAL PREPAID		K. TOTAL COLLECT		L. SHIPPER'S R.F.C. (AMOUNT TO BE ENTERED BY SHIPPER)	
M. CURRENCY CONVERSION RATES		N. TOTAL COLLECT IN DESTINATION CURRENCY		O. SIGNATURE OF SHIPPER OR HIS AGENT	
P. FOR CARRIER'S USE ONLY AT DESTINATION		Q. CHARGES AT DESTINATION		R. EXECUTED ON	
S. TOTAL COLLECT CHARGES		T. TOTAL COLLECT CHARGES		U. SIGNATURE OF ISSUING CARRIER OR ITS AGENT	
V. TOTAL COLLECT CHARGES		W. TOTAL COLLECT CHARGES		X. NO. 3 ORIGINAL FOR SHIPPER	



NỘI DUNG VẬN ĐƠN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG

Mặt trước:

- Số vận đơn (AWB number)
- Sân bay xuất phát (Airport of departure)
- Tên và địa chỉ của người phát hành vận đơn (Issuing carrier's name and address)
- Người gửi hàng (Shipper)
- Người nhận hàng (Consignee)
- Đại lý của người chuyên chở (Issuing carrier's agent)
- Tuyến đường (Routine)
- Thông tin thanh toán (Accounting information)
- Tiền tệ (Currency)
- Mã thanh toán cước (Charges codes)



NỘI DUNG VẬN ĐƠN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG

Mặt trước:

- Cước phí và chi phí (Charges)
- Giá trị kê khai vận chuyển (Declare value for carriage)
- Giá trị khai báo hải quan (Declare value for customs)
- Số tiền bảo hiểm (Amount of insurance)
- Thông tin làm hàng (Handing information)
- Số kiện (Number of pieces)
- Các chi phí khác (Other charges)



NỘI DUNG VẬN ĐƠN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG

Mặt trước:

- Cước và chi phí trả trước (Prepaid)
- Cước và chi phí trả sau (Collect)
- Ô ký xác nhận của người gửi hàng (Shipper of certification box)
- Ô dành cho người chuyên chở (Carrier of execution box)
- Ô chỉ dành cho người chuyên chở ở nơi đến (For carrier of use only at destination)
- Cước trả sau bằng đồng tiền ở nơi đến, chỉ dùng cho người chuyên chở (Collect charges in destination currency, for carrier of use only).



NỘI DUNG VẬN ĐƠN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG

Mặt sau:

Mặt sau của vận đơn hàng không bao gồm 2 nội dung chính:

- Thông báo liên quan đến trách nhiệm của người chuyên chở
- Các điều kiện hợp đồng



SỐ BẢN VẬN ĐƠN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG

AWB thường có ít nhất là 9 bản, trong đó có 3 bản gốc (original), và 6 bản copy trở lên.

- Bản gốc số 1, dành cho người chuyên chở, có chữ ký của người gửi hàng.
- Bản gốc số 2, dành cho người nhận hàng, được gửi cùng lô hàng tới nơi đến cuối cùng và giao cho người nhận khi giao hàng.
- Bản gốc số 3, dành cho người gửi hàng, có chữ ký của cả người chuyên chở và người gửi hàng.
- Các bản còn lại được đánh số liên tục từ 4



SO SÁNH VẬN ĐƠN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG VÀ VẬN ĐƠN ĐƯỜNG BIỂN

AWB	B/L
Không chuyển nhượng được	Có thể chuyển nhượng được, nếu là loại giao hàng theo lệnh
Phát hành sau khi giao hàng cho hãng vận chuyển	Phát hành sau khi hàng đã được xếp lên tàu
Phát hành ít nhất 9 bản	Phát hành bộ đầy đủ: 3 bản gốc, 3 bản copy
Dùng trong vận chuyển hàng không	Dùng trong vận tải biển
Không dùng với điều kiện FAS, FOB, CFR và CIF trong Incoterms.	Có thể sử dụng với tất cả các điều kiện quy định trong Incoterms 2010
Điều chỉnh bởi Công ước Warsaw, Công ước Hague sửa đổi, Công ước Montreal	Điều chỉnh bởi Công ước Hague, Hauge-Visby, và Bộ luật US COGSA 1936



CÁCH KHAI SỐ VẬN ĐƠN ĐƯỜNG HÀNG KHÔNG VÀ VẬN ĐƠN ĐƯỜNG BIỂN

- (1) Nhập số vận đơn bao gồm cả phần số, phần chữ và các kí tự đặc biệt (nếu có) (số B/L, AWB, vận đơn đường sắt). Lưu ý: - Người nhập khẩu đứng tên trên ô người nhận hàng ở vận đơn nào thì nhập số của vận đơn đó. Khai vận đơn thể hiện người nhận hàng là người nhập khẩu. - Đối với B/L và AWB có thể nhập đến 05 số vận đơn. - Số AWB không được vượt quá 20 ký tự. - Trường hợp lô hàng có nhiều hơn 05 vận đơn thì sẽ khai tiếp số vận đơn tại ô “Phần ghi chú”. - Trường hợp hàng hóa mang theo người nhập cảnh theo đường hàng không, đường biển, nhập “KHONGVANDON”.
- (2) Chỉ tiêu này không bắt buộc đối với các phương thức vận chuyển khác.



CÁCH KHAI THÔNG TIN PHƯƠNG TIỆN VC

PHƯƠNG TIỆN VẬN CHUYỂN:

Nhập tên phương tiện vận chuyển (căn cứ vào chứng từ vận tải: B/L, AWB,...)

- (1) Nhập tên tàu trong trường hợp vận chuyển bằng đường biển/sông.
- (2) Nếu không nhập liệu, hệ thống sẽ tự động xuất ra tên tàu đã đăng kí trên hệ thống dựa trên hồ hiệu đã nhập ở ô 1.
- (3) Trường hợp vận chuyển hàng không: nhập mã hãng hàng không (02 kí tự), số chuyến bay (04 kí tự), gạch chéo (01 kí tự), ngày/tháng (ngày: 02 kí tự, tháng 03 kí tự viết tắt của các tháng bằng tiếng Anh). Ví dụ: AB0001/01JAN
- (4) Trường hợp vận chuyển đường bộ: nhập số xe tải.
- (5) Trường hợp vận chuyển đường sắt: nhập số tàu.
- (6) Không phải nhập trong trường hợp tại chỉ tiêu “Mã hiệu phương thức vận chuyển”, người khai chọn mã “9” và trong trường hợp hệ thống hỗ trợ tự động xuất ra tên phương tiện vận chuyển.



THANH TOÁN QUỐC TẾ

KẾT CẤU BÀI GIẢNG

1. KHÁI NIỆM VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA THANH TOÁN QUỐC TẾ
2. CÁC CÔNG CỤ THANH TOÁN QUỐC TẾ
3. CÁC PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN QUỐC TẾ



THANH TOÁN QUỐC TẾ

Khái niệm thanh toán quốc tế

Thanh toán quốc tế là việc thực hiện nghĩa vụ chi trả và quyền hưởng lợi về tiền tệ phát sinh trên cơ sở các hoạt động kinh tế và phi kinh tế giữa các tổ chức, cá nhân nước này với các tổ chức, cá nhân nước khác, hay giữa một quốc gia với tổ chức quốc tế, thông qua quan hệ giữa các ngân hàng của các nước liên quan.



THANH TOÁN QUỐC TẾ

Đặc điểm của hoạt động thanh toán quốc tế

- Chịu sự điều chỉnh của luật pháp và các tập quán quốc tế.
- Được thực hiện phần lớn thông qua hệ thống ngân hàng
- Tiền mặt hầu như không được sử dụng trực tiếp mà dùng các phương tiện thanh toán.
- Chịu ảnh hưởng trực tiếp của tỷ giá hối đoái và vấn đề quản lý dự trữ ngoại hối của quốc gia
- Ngôn ngữ sử dụng trong thanh toán quốc tế chủ yếu bằng tiếng Anh.
- Giải quyết tranh chấp chủ yếu bằng luật quốc tế



CÁC CÔNG CỤ THANH TOÁN QUỐC TẾ

Các công cụ thanh toán quốc tế thường gồm:

- Hối phiếu (bill of exchange).
- Kỳ phiếu thương mại (Promissory Note),
- Séc quốc tế (International cheque),
- Hóa đơn thu tiền (Financial Invoice).



HỒI PHIẾU DÙNG TRONG L/C

BILL OF EXCHANGE

No: 01/XK

Hanoi, May 10th, 2015

For: USD 100,000

At sight of this **First** Bill of Exchange (second of the same tenor and date being unpaid). Pay to the order of Dong A Bank, Hanoi branch. The sum of US dollars one hundred thousand only.

Invoice No: XV9396,

Dated: 10/5/2015

Irrevocable L/C No: LDM756VN, Dated: 10/4/2015

To: Habubank, Singapore

For Hanaco, Ltd
(signed)



HỒI PHIẾU DÙNG TRONG L/C

BILL OF EXCHANGE

No. **022/2009HĐXK**

For **USD92,857.00**

Ho Chi Minh City, Date 03/Jan./2010

At **90 days** sight of this first Bill of exchange (second of the same tenor and date being unpaid), pay to order of **ASIA COMMERCIAL BANK** the sum of **US DOLLARS NINETY TWO THOUSAND EIGHT HUNDRED FIFTY SEVEN ONLY**

Drawn under **L/C No.0214357/LC** Dated **12./December./2009** issued by **BANK OF TOKYO-MITSUBISHI**

To : **BANK OF TOKYO-MITSUBISHI** Authorized signature
TOKYO, JAPAN

CÁC PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN



Chuyển tiền



Nhờ thu trợn



Nhờ thu kèm chứng từ



Tín dụng chứng từ



PHƯƠNG THỨC CHUYỂN TIỀN (REMITTANCE)

Khái niệm: Là phương thức thanh toán mà người chuyển tiền (người mua, con nợ...) yêu cầu ngân hàng phục vụ mình chuyển một số tiền nhất định cho người hưởng lợi bằng phương tiện mà mình đề ra

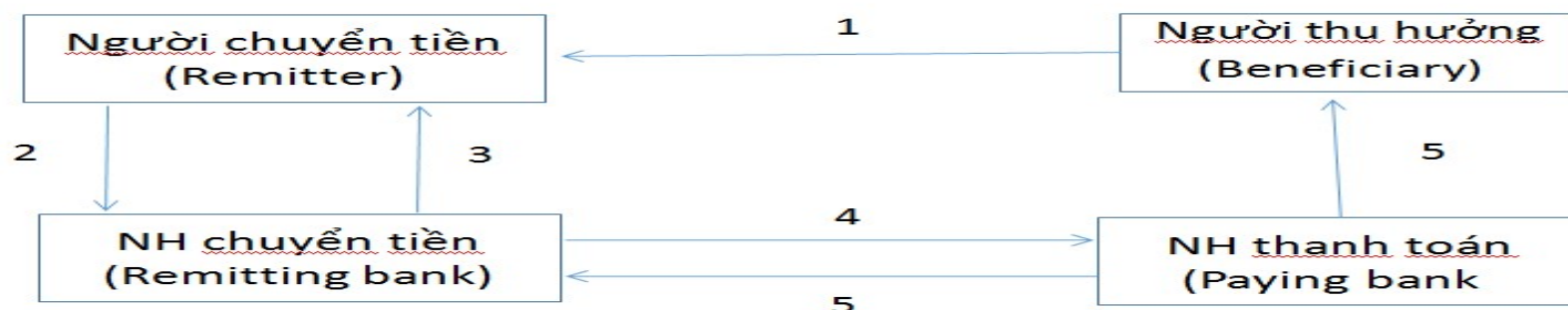
Các chủ thể tham gia chuyển tiền:

- Người chuyển tiền (Remitter)
- Người thụ hưởng (Beneficiary)
- Ngân hàng chuyển tiền (Remitting bank)
- Ngân hàng thanh toán (Paying bank)



PHƯƠNG THỨC CHUYỂN TIỀN (REMITTANCE)

QUY TRÌNH CHUYỂN TIỀN



1. Hợp đồng mua bán/giao hàng/giao chứng từ
2. Yêu cầu chuyển tiền
3. Ngân hàng chuyển tiền Ghi nợ TK của người yêu cầu chuyển tiền
4. Ngân hàng chuyển tiền phát lệnh thanh toán cho ngân hàng trả tiền (P/O bằng T/T hoặc M/T)
5. Báo nợ tài khoản ngân hàng chuyển tiền
6. Ngân hàng trả tiền báo có cho người hưởng lợi



PHƯƠNG THỨC CHUYỂN TIỀN (REMITTANCE)

Phân loại chuyển tiền

Căn cứ vào cách thức gửi lệnh thanh toán, chuyển tiền được chia thành 2 loại:

Chuyển tiền bằng thư (Mail transfer): Ngân hàng chuyển tiền trực tiếp gửi lệnh chuyển tiền bằng thư đến ngân hàng đại lý, yêu cầu ngân hàng này thanh toán cho người thụ hưởng theo chỉ định

Chuyển tiền bằng điện (Telegraphic Transfer – TT): Lệnh thanh toán do ngân hàng chuyển tiền gửi trực tiếp thông qua mạng lưới liên lạc viễn thông đến ngân hàng đại lý, yêu cầu ngân hàng này chi trả cho người thụ hưởng chỉ định.

Ngân hàng chuyển tiền có thể chuyển tiền bằng điện thông thường (Telex) hoặc chuyển tiền thông qua mạng SWIFT)



PHƯƠNG THỨC CHUYỂN TIỀN (REMITTANCE)

Ưu điểm của phương thức chuyển tiền:

- Đơn giản và thuận tiện: Thủ tục đơn giản, thuận lợi cho người chuyển tiền và người nhận tiền

Thời gian chuyển tiền ngắn: người thụ hưởng nhanh chóng nhận được tiền

Phí ngân hàng cho hình thức này không cao

Nhược điểm của phương thức chuyển tiền:

- Không đảm bảo quyền lợi bình đẳng của hai bên mua và bán.

- Do việc thanh toán chủ yếu được thực hiện bằng điện nên thời gian nhanh -> nếu phát hiện sai sót -> khó điều chỉnh



PHƯƠNG THỨC NHỜ THU

Khái niệm phương thức thanh toán nhờ thu :

Nhờ thu là phương thức thanh toán quốc tế, trong đó người xuất khẩu sau khi hoàn thành nghĩa vụ giao hàng cho người nhập khẩu thì lập chỉ thị nhờ thu, nhờ ngân hàng thu hộ tiền ở nhà nhập khẩu trên cơ sở chứng từ (chứng từ tài chính hoặc chứng từ thương mại) do nhà xuất khẩu ký phát.

Văn bản quốc tế điều chỉnh phương thức nhờ thu: ‘quy tắc thống nhất về nhờ thu’ – Uniform Rules for Collection – URC, do phòng thương mại quốc tế ICC soạn thảo và phát hành

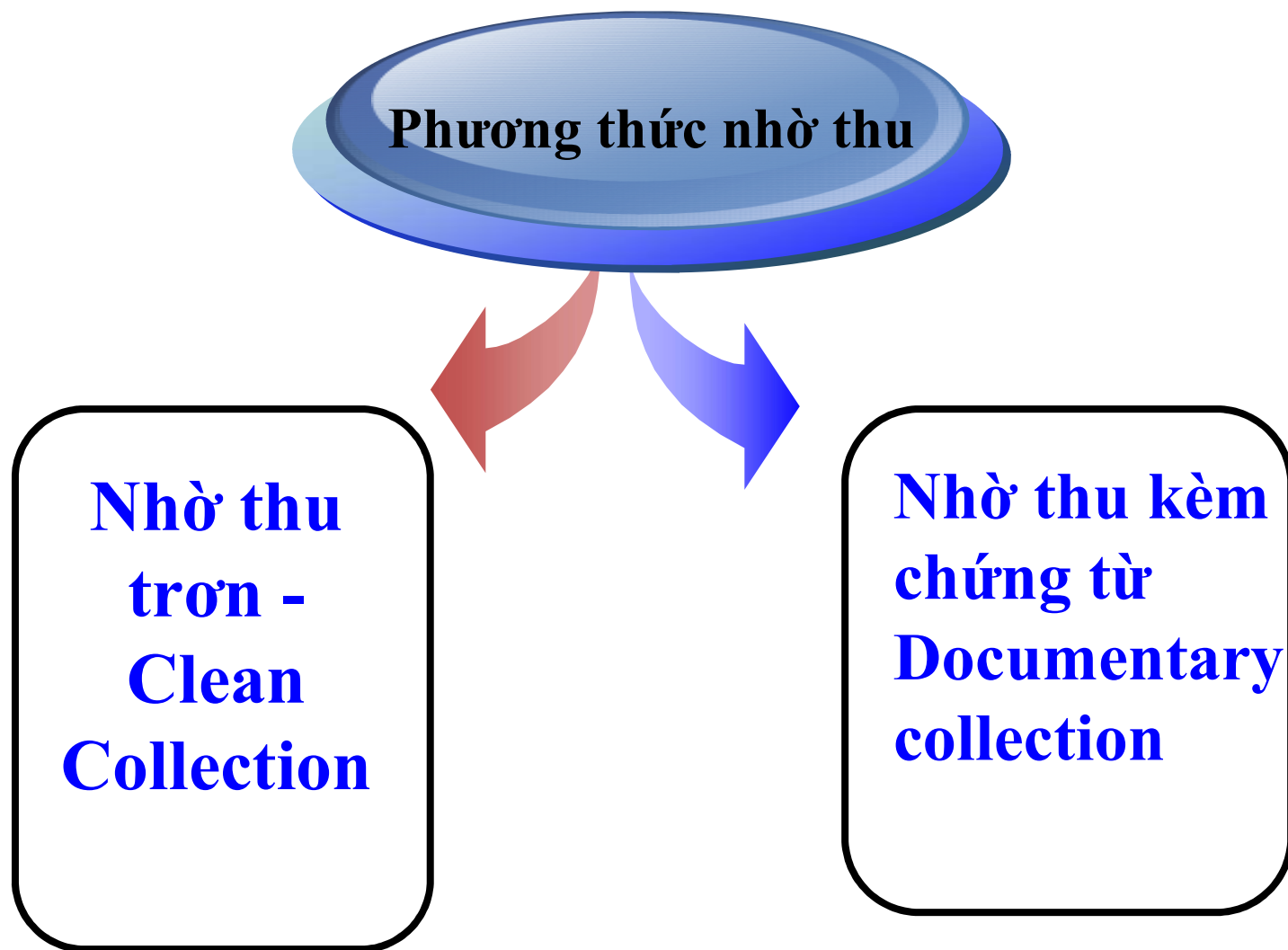


PHƯƠNG THỨC NHỜ THU

Các chủ thể tham gia thanh toán nhờ thu

- Người nhờ thu (Principal) thường đồng nhất với người xuất khẩu hay người hưởng lợi.
- Ngân hàng chuyển chứng từ (Remiting bank): thường đồng nhất với ngân hàng phục vụ nhà xuất khẩu.
- Ngân hàng xuất trình (Presenting bank): là ngân hàng ở nước người nhập khẩu, thực hiện chuyển giao chứng từ nhờ thu cho người nhập khẩu theo đúng chỉ thị nhờ thu
- Ngân hàng thu hộ (Collecting bank): thường được hiểu chung nghĩa với ngân hàng xuất trình.
- Người trả tiền (Drawee): là người được xuất trình chứng từ theo đúng chỉ thị nhờ thu, thường đồng nhất với nhà nhập khẩu.

PHƯƠNG THỨC NHỜ THU





PHƯƠNG THỨC NHỜ THU TRƠN

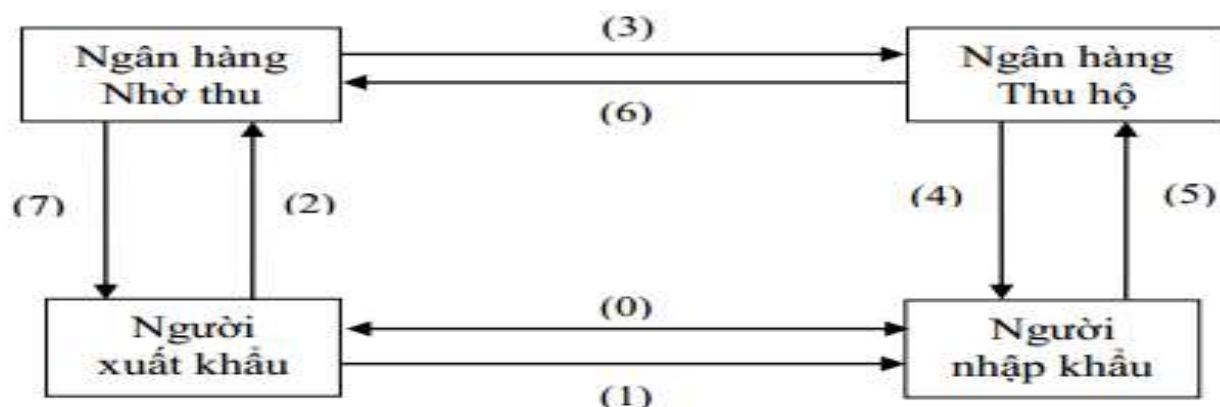
Khái niệm

Là phương thức thanh toán trong đó chứng từ nhờ thu chỉ bao gồm chứng từ tài chính, còn các chứng từ thương mại khác được gửi trực tiếp cho người nhập khẩu không thông qua ngân hàng.

Phương thức nhờ thu trơn là phương thức thanh toán trong đó người có các khoản thu từ các công cụ tài chính hay tín dụng nhưng không thể tự mình thu được cho nên phải ủy thác cho ngân hàng thu hộ ghi trên công cụ thanh toán đó không kèm với điều kiện chuyển giao chứng từ.



QUY TRÌNH NHỜ THU TRÒN



- 1- Người XK giao hàng/cung ứng dịch vụ và gửi chứng từ cho người NK.
- 2- Ký phát hối phiếu và viết chỉ thị nhờ thu gửi đến ngân hàng phục vụ mình nhờ thu hộ tiền từ người NK nước ngoài.
- 3- Ngân hàng chuyển hối phiếu và chỉ thị nhờ thu cho ngân hàng đại lý ở nước người NK thu hộ.
- 4- Ngân hàng thu hộ xuất trình hối phiếu theo đúng chỉ thị nhờ thu cho người trả tiền.
- 5- Người trả tiền tiến hành trả tiền hoặc chấp nhận trả tiền hối phiếu.
- 6- Ngân hàng thu hộ chuyển tiền hoặc hối phiếu đã được chấp nhận cho ngân hàng chuyển.
- 7- Ngân hàng chuyển trả tiền hoặc hối phiếu đã được chấp nhận cho người XK.



PHƯƠNG THỨC NHỜ THU KÈM CHỨNG TỪ

Khái niệm

Nhờ thu kèm chứng từ là việc thực hiện nhờ thu các chứng từ thương mại có hoặc không kèm theo các chứng từ tài chính.

Nhờ thu kèm chứng từ là phương thức nhờ thu trong đó người xuất khẩu sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ giao hàng hay cung ứng dịch vụ, tiến hành ủy thác cho ngân hàng phục vụ mình thu hộ tiền ở người nhập khẩu trên cơ sở bộ chứng từ hàng hóa.

Nếu người nhập khẩu thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán thì ngân hàng mới trao bộ chứng từ cho người nhập khẩu nhận hàng hóa.

Theo phương thức này, ngân hàng không chỉ là người thu hộ tiền mà còn là người khống chế bộ chứng từ hàng hóa. Với cách khống chế này quyền lợi của người xuất khẩu được đảm bảo hơn.



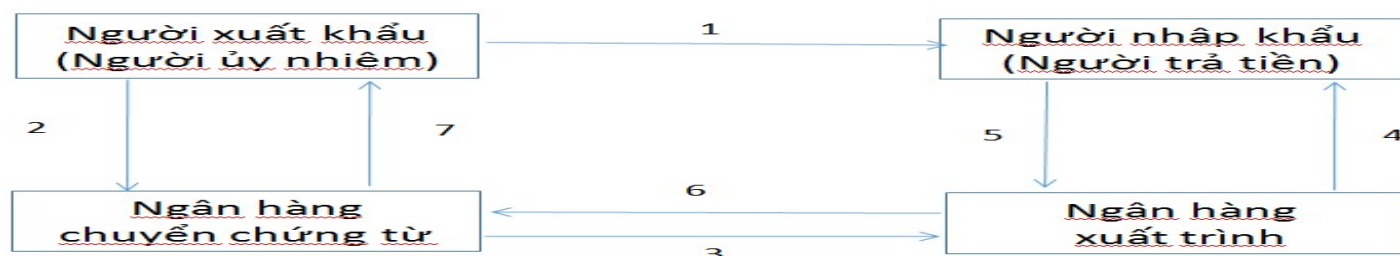
PHƯƠNG THỨC NHỜ THU KÈM CHỨNG TỪ

Phân loại phương thức nhờ thu kèm chứng từ

- Nhờ thu chấp nhận trả tiền trao chứng từ (Documents against Acceptance – D/A)
- Nhờ thu trả tiền trao chứng từ (Documents against Payment – D/P)
- Thực hiện các điều kiện và điều khoản để đổi lấy chứng từ (Documents against other Terms and Conditions – D/TC)



QUY TRÌNH THANH TOÁN D/A

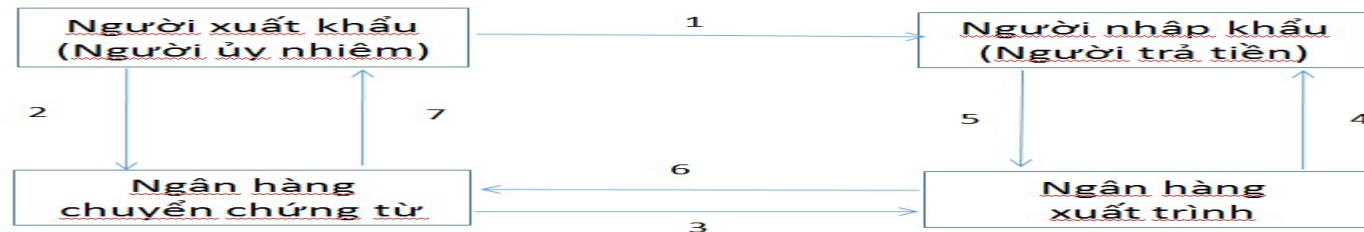


**** D/A – Nhờ thu chấp nhận trả tiền trao chứng từ (Documents against Acceptance): Nhờ thu kèm chứng từ với trường hợp thanh toán trả chậm**

1. Người XK giao hàng
 2. Người xuất khẩu ký phát và gửi hối phiếu có kỳ hạn, kèm theo chỉ thị nhờ thu và bộ chứng từ hàng hóa đến ngân hàng nhận ủy thác
 3. Ngân hàng nhận ủy thác chuyển chỉ thị nhờ thu và bộ chứng từ sang ngân hàng đại ký để thông báo cho người nhập khẩu
 4. Căn cứ vào chỉ thị nhờ thu đã nhận được, ngân hàng xuất trình lập thông báo gửi nhà nhập khẩu
 6. Nếu người nhập khẩu chấp nhận trả tiền bằng cách ký chấp nhận trực tiếp vào hối phiếu hoặc chấp nhận bằng văn bản, thì ngân hàng xuất trình giao bộ chứng từ hàng hóa cho nhà nhập khẩu.
 7. Ngân hàng xuất trình thông báo nội dung chấp nhận thanh toán của nhà nhập khẩu cho ngân hàng chuyển chứng từ.
- Ngân hàng chuyển chứng từ thông báo kết quả gửi chứng từ nhờ thu theo điều kiện D/A cho người xuất khẩu.



QUY TRÌNH THANH TOÁN D/P



**** D/P – Nhờ thu trả tiền trao chứng từ (Documents against Payment): Nhờ thu kèm chứng từ với trường hợp thanh toán trả ngay.**

1. Người xuất khẩu tiến hành giao hàng
2. Người xuất khẩu ký phát và gửi chỉ thị nhờ thu kèm bộ chứng từ hàng hóa (kèm hoặc không kèm hối phiếu) đến ngân hàng nhận ủy thác
3. Ngân hàng nhận ủy thác chuyển chỉ thị nhờ thu và bộ chứng từ sang ngân hàng đại lý để thông báo cho người nhập khẩu
4. Ngân hàng xuất trình lập thông báo gửi nhà nhập khẩu.
5. Ngân hàng xuất trình giao bộ chứng từ cho nhà nhập khẩu sau khi nhà nhập khẩu đã chuyển đủ tiền để thanh toán nhờ thu.
6. Ngân hàng xuất trình thanh toán trị giá nhờ thu cho ngân hàng chuyển chứng từ
7. Ngân hàng chuyển chứng từ thanh toán cho nhà xuất khẩu kết quả nhờ thu sau khi đã trừ phí dịch vụ và các chi phí liên quan.



PHƯƠNG THỨC NHỜ THU

Lợi ích khi sử dụng phương thức thanh toán nhờ thu

– *Nhà xuất khẩu:* Nhà XK chắc chắn rằng bộ chứng từ chỉ dc trao cho nhà NK ngay sau khi người này đã thanh toán hay chấp nhận thanh toán

Nhà XK có quyền đưa nhà nhập khẩu ra tòa nếu người này không trả tiền hồi phiếu đã chấp nhận khi đến hạn thanh toán

– *Nhà nhập khẩu*

Nhà NK dc kiểm tra bộ chứng từ trc khi thanh toán hay chấp nhận thanh toán

Đối với D/A nhà NK dc sử dụng hay bán hàng hóa mà chưa phải thanh toán cho đến thời hạn của hồi phiếu



PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN NHỜ THU

Rủi ro khi sử dụng phương thức thanh toán nhờ thu

Đối với nhà xuất khẩu

Nếu ngân hàng thu hộ sai sót trong việc thực hiện lệnh nhờ thu thì hậu quả phát sinh do nhà XK chịu

Nhà NK khước từ thanh toán hay chấp nhận thanh toán trong khi hàng hóa đã được gửi đi trc. Nhà XK có thể kiện nhưng sẽ tốn nhiều thời gian

Đối với nhà nhập khẩu

Chịu rủi ro khi có gian lận trong thương mại (nhà XK lập bộ chứng từ giả), các ngân hàng ko chịu trách nhiệm khi chứng từ là giả mạo hay có sai sót hay hàng hóa không khớp với chứng từ



Kết hợp phương thức thanh toán TT và nhờ thu DP

1. Nhà NK thực hiện Thanh Toán TT 1 số tiền đặt cọc (Deposit) cho nhà XK, số tiền còn lại thanh toán nhờ thu DP qua ngân hàng.

- Nhà XK có 1 khoản tiền đặt cọc, đảm bảo về niềm tin cho việc sản xuất hoặc gom hàng hóa và đủ để trang trải cho việc rủi ro khi phải ship hàng đi và kéo hàng về
- Giảm chi phí dịch vụ của Ngân hàng



Kết hợp phương thức thanh toán TT và nhờ thu DP

2. Thanh toán 100% TT khi có bộ chứng từ scan hoặc fax.

Thanh toán chỉ được thực hiện khi nhà XK gửi bộ chứng từ Scan/Fax cho nhà NK. Căn cứ vào BCT Scan để thanh toán TT cho nhà XK. Nhà XK gửi BCT gốc cho nhà NK sau khi nhận TT

Ưu điểm:

- Nhanh, tiết kiệm chi phí dịch vụ với bank
- Nhà XK vẫn giữ BCT gốc và có quyền sở hữu lô hàng nếu có rủi ro về việc nhà NK không nhận hàng, ép giá...

Nhược điểm:

- Nhà NK đã thanh toán mà không nhận được BCT gốc vì lý do nào đó → không lấy được hàng.



PHƯƠNG THỨC TÍN DỤNG CHỨNG TỪ

Khái niệm phương thức thanh toán tín dụng chứng từ:

Thanh toán tín dụng chứng từ (**Documentary credit**) là sự thỏa thuận mà Ngân hàng phát hành Thư tín dụng (L/C) sẽ cam kết trả một số tiền nhất định hoặc chấp nhận Hối phiếu do người thụ hưởng ký phát, nếu người này xuất trình bộ chứng từ thanh toán hợp lệ với nội dung quy định của Thư tín dụng.

Trong đó “Ngân hàng phát hành thư tín dụng là ngân hàng phát hành L/C theo yêu cầu của người xin mở L/C hoặc nhân danh chính mình”. Và “Bên thụ hưởng là bên mà vì quyền lợi của bên đó mà Thư tín dụng được phát hành.”



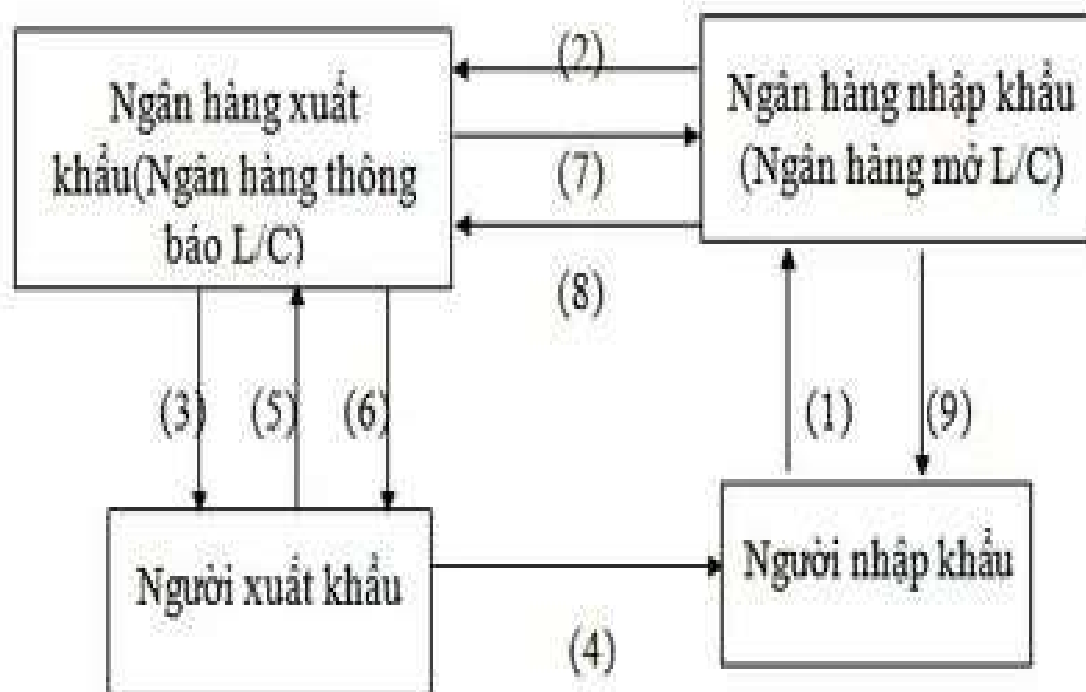
PHƯƠNG THỨC TÍN DỤNG CHỨNG TỪ

Giá trị pháp lý của UCP600:

- UCP là tập quán thương mại quốc tế quy định về quyền hạn, trách nhiệm của các bên liên quan trong giao dịch thanh toán tín dụng chứng từ với điều kiện L/C có dẫn chiếu tuân thủ UCP.
- Nếu UCP và Luật Quốc gia có những quy định trái ngược nhau, thì Luật Quốc gia sẽ được ưu tiên áp dụng



QUY TRÌNH THANH TOÁN L/C





QUY TRÌNH THANH TOÁN L/C

- (1) Người NK căn cứ vào điều khoản thanh toán trong hợp đồng mua bán hàng hoá quốc tế sẽ yêu cầu Ngân hàng Mở mở L/C
- (2) Ngân hàng Mở căn cứ vào đơn này sẽ mở L/C và gửi L/C cho Ngân hàng Thông Báo
- (3) Ngân hàng Thông báo kiểm tra L/C và chuyển L/C cho người xuất khẩu
- (4) Người XK giao hàng cho người NK theo L/C quy định
- (5) Người XK lập bộ chứng từ của lô hàng và giao cho Ngân hàng Thông báo.
- (6) Ngân hàng Thông báo kiểm tra và gửi/xuất trình bộ chứng từ cho Ngân hàng Mở
- (7) Ngân hàng Mở sẽ kiểm tra chứng từ, nếu bộ chứng từ phù hợp với L/C thì Ngân hàng Mở sẽ trả tiền/chuyển tiền cho Ngân hàng Thông Báo.
- (8) Ngân hàng Thông báo báo tiền đã vào tài khoản cho người XK
- (9) Ngân hàng Mở sẽ xuất trình bộ chứng từ để người NK kiểm tra và giao chứng từ cho người NK nhận hàng.



NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA L/C

- (1) Số hiệu, địa điểm, ngày phát hành L/C
- (2) Tên, địa chỉ của những người có liên quan đến L/C: thương nhân (người mở L/C và người hưởng lợi) và NH (NH phát hành L/C, NH TB, NH trả tiền)
- (3) Số tiền của thư tín dụng
- (4) Thời hạn hiệu lực, thời hạn trả tiền, thời hạn giao hàng ghi trong L/C: ngày giao hàng nằm trong hiệu lực của LC
- (5) Những nội dung về hàng hóa
- (6) Những nội dung về vận tải giao nhận hàng hóa: điều kiện giao hàng, phương thức vận chuyển, nơi gửi, nơi nhận...
- (7) Những chứng từ mà người hưởng lợi phải xuất trình cho ngân hàng
- (8) Những điều khoản đặc biệt khác: ví dụ như bồi hoàn bằng điện
- (9) Chữ ký của ngân hàng phát hành LC



CÁC LOẠI THƯ TÍN DỤNG CHỨNG TỪ

Chia theo tính chất có thể hủy ngang

- Thư tín dụng có thể hủy ngang (Revocable Letter of Credit) (loại này đã bị bỏ theo UCP600 và tất cả các thư tín dụng là không thể hủy ngang trong trường hợp L/C dẫn chiếu UCP600).
- Thư tín dụng không thể hủy ngang (Irrevocable Letter of Credit).

Chia theo tính chất của L/C

- Thư tín dụng xác nhận (Confirmed Letter of Credit).
- Thư tín dụng chuyển nhượng (Transferable Letter of Credit).
- Thư tín dụng tuần hoàn (Revolving Letter of Credit).
- Thư tín dụng giáp lưng (Back to Back Letter of Credit).
- Thư tín dụng đối ứng (Reciprocal Letter of Credit).
- Thư tín dụng dự phòng (Standby Letter of Credit).



CÁC LOẠI THƯ TÍN DỤNG CHỨNG TỪ

Chia theo thời hạn thanh toán của L/C

- Thư tín dụng trả ngay (Sight Letter of Credit).
- Thư tín dụng trả chậm (Deferred Letter of Credit).
- Thư tín dụng thanh toán hỗn hợp (Mixed Payment Letter of Credit)
- Thư tín dụng điều khoản đỏ (Red Clause Letter of Credit).



Thư tín dụng xác nhận (confirmed LC)

Là thư tín dụng không thể hủy ngang được một ngân hàng xác nhận trả tiền theo yêu cầu của ngân hàng phát hành. L/C này được cùng lúc 2 ngân hàng cùng cam kết trả. Ngân hàng Xác nhận có thể do người Nhập khẩu đề xuất, lúc này Ngân hàng xác nhận có thể là ngân hàng thứ ba (ở nước Nhập khẩu). Nhưng cũng có trường hợp do người Xuất khẩu chỉ định

- Giúp người xuất khẩu chắc chắn thu hồi được tiền
- Có thể nói rằng hình thức này tạo ra đảm bảo tối đa cho người thụ hưởng;
- Vai trò Thông báo trên thị trường thanh toán được phát huy tối đa
- Tạo doanh thu, lợi nhuận cho ngân hàng Thông báo (thông qua việc thu phí dịch vụ xác nhận)



Thư tín dụng chuyển nhượng (Transferable LC)

L/C chuyển nhượng là loại L/C không hủy ngang, trong đó NH phát hành cho phép người thụ hưởng nhượng một phần hoặc toàn bộ giá trị thư tín dụng cho một hoặc nhiều người thụ hưởng thứ hai

Người thụ hưởng thứ nhất yêu cầu cho ngân hàng phát hành chuyển nhượng LC bằng Đơn yêu cầu chuyển nhượng.

Hình thức chuyển nhượng:

- + NH chuyển nhượng phát hành 1 LC chuyển nhượng mới trên cơ sở kết hợp L/c chuyển nhượng và Đơn yêu cầu chuyển nhượng.
- + NH chuyển nhượng nguyên L/C chuyển nhượng gốc và Đơn yêu cầu chuyển nhượng cho người hưởng lợi kế tiếp.

L/C này thường được sử dụng khi mua hàng qua các đại lý, mua hàng qua trung gian, hàng do các công ty con, chi nhánh giao nhưng người hưởng lợi là công ty mẹ



Thư tín dụng tuần hoàn (Revolving Letter of Credit)

- Là loại thư tín dụng mà giá trị của nó được tái tạo nhiều lần ngay khi nghĩa vụ thanh toán của lần trước được thực hiện xong.
- L/C tuần hoàn thường được sử dụng trong thanh toán với các bạn hàng quen thuộc, với số lượng, chủng loại hàng hoá mua bán ổn định trong một thời gian dài.
- + Tuần hoàn tự động: L/C tự động tái tạo lại giá trị của nó không cần có sự thông báo của ngân hàng phát hành
- + Tuần hoàn không tự động: L/C tự động tái tạo giá trị của nó chỉ khi ngân hàng phát hành thông báo việc tái tạo cho người thụ hưởng
- + Tuần hoàn bán tự động: L/C tự động tái tạo lại giá trị sau một số ngày xxx nào đó khi mà ngân hàng phát hành không có thông báo tiếp theo về việc tái tạo giá trị.



Thư tín dụng giáp lưng (Back to Back LC)

Khi bạn là người trung gian (*mua của A và bán lại cho B*) mà cần giấu thông tin của các đối tác; bạn sẽ cần thể chấp L/C do B mở cho mình để mở L/C khác cho A thụ hưởng gọi là L/C giáp lưng và lấy phần chênh lệch giá trị giữa 2 L/C này làm lợi nhuận cho mình.

L/C đầu tiên gọi là L/C gốc (Master L/C), L/C thứ hai gọi là L/C giáp lưng (Back to back L/C hay Baby L/C hay Secondary L/C)

- Số tiền (*phải ít hơn L/C gốc*)
- Đơn giá (*phải thấp hơn L/C gốc*)
- Trị giá bảo hiểm (*phải thấp hơn L/C gốc*)
- Thời gian hiệu lực của L/C (*phải ngắn hơn L/C gốc*)
- Thời gian xuất trình chứng từ (*sớm hơn L/C gốc*)
- Thời gian giao hàng (*có thể sớm hơn L/C gốc*)
- Tên của người mở L/C giáp lưng đổi thành tên của Người trung gian (*như vậy người trung gian mới có thể giấu tên của người nhập khẩu*)
- Tên của người thụ hưởng trên L/C giáp lưng là tên của nhà sản xuất



Thư tín dụng dự phòng (Standby Letter of Credit)

L/C dự phòng (Stand By Letter of Credit – SLOC) là một loại thư tín dụng được thực hiện bởi một ngân hàng thay mặt cho khách hàng, đảm bảo sẽ thanh toán và được thực hiện ngay cả khi khách hàng của họ không thể thực hiện thanh toán Hoặc có một cách hiểu như sau:

- Thư tín dụng dự phòng (Standby letter of Credit) Là loại hình thư tín dụng chứng từ hay dàn xếp tương tự, thể hiện nghĩa vụ của ngân hàng phát hành tới người thụ hưởng:
- Thanh toán lại khoản tiền mà người yêu cầu mở L/C dự phòng đã vay hoặc được ứng trước.
- Thanh toán khoản nợ của người mở L/C dự phòng.
- Một số trường hợp LC dự phòng có chức năng bồi thường thiệt hại cho người thụ hưởng khi người mở LC không thực hiện nghĩa vụ của mình.
- Có thể xem L/C dự phòng được xem như là phương tiện thanh toán thứ yếu đề phòng rủi ro cho các bên.



ĐẶC ĐIỂM CỦA L/C

- L/C không phụ thuộc vào hợp đồng cơ sở
- Các ngân hàng làm việc với nhau trên cơ sở chứng từ chứ không quan tâm đến hàng hóa/dịch vụ. Cho dù người bán giao hàng bị thiếu, hàng kém chất lượng, giao hàng sai ..., nhưng nếu trên bề mặt chứng từ thể hiện phù hợp với L/C, UCP, ISBP thì ngân hàng phát hành phải thanh toán cho người thụ hưởng.
- Theo UCP600 quy định, thì các bên muốn áp dụng phiên bản UCP nào thì phải quy định rõ trong thư tín dụng.
- Mặc dù người đề nghị mở L/C tham gia với tư cách là người mua hàng hóa/dịch vụ, nhưng ngân hàng phát hành mới là người thanh toán, cho nên khi người thụ hưởng ký phát hối phiếu đòi tiền thì phải đòi tiền ngân hàng phát hành L/C.



ƯU NHƯỢC ĐIỂM CỦA L/C

Ưu điểm của phương thức thanh toán bằng tín dụng chứng từ:

Ngân hàng là bên đứng ra bảo lãnh nên đảm bảo an toàn cho quá trình giao dịch, là người đứng ra bảo lãnh thanh toán tiền hàng cho người nhập khẩu. Việc này sẽ giúp hạn chế rủi ro cho người xuất khẩu hơn.

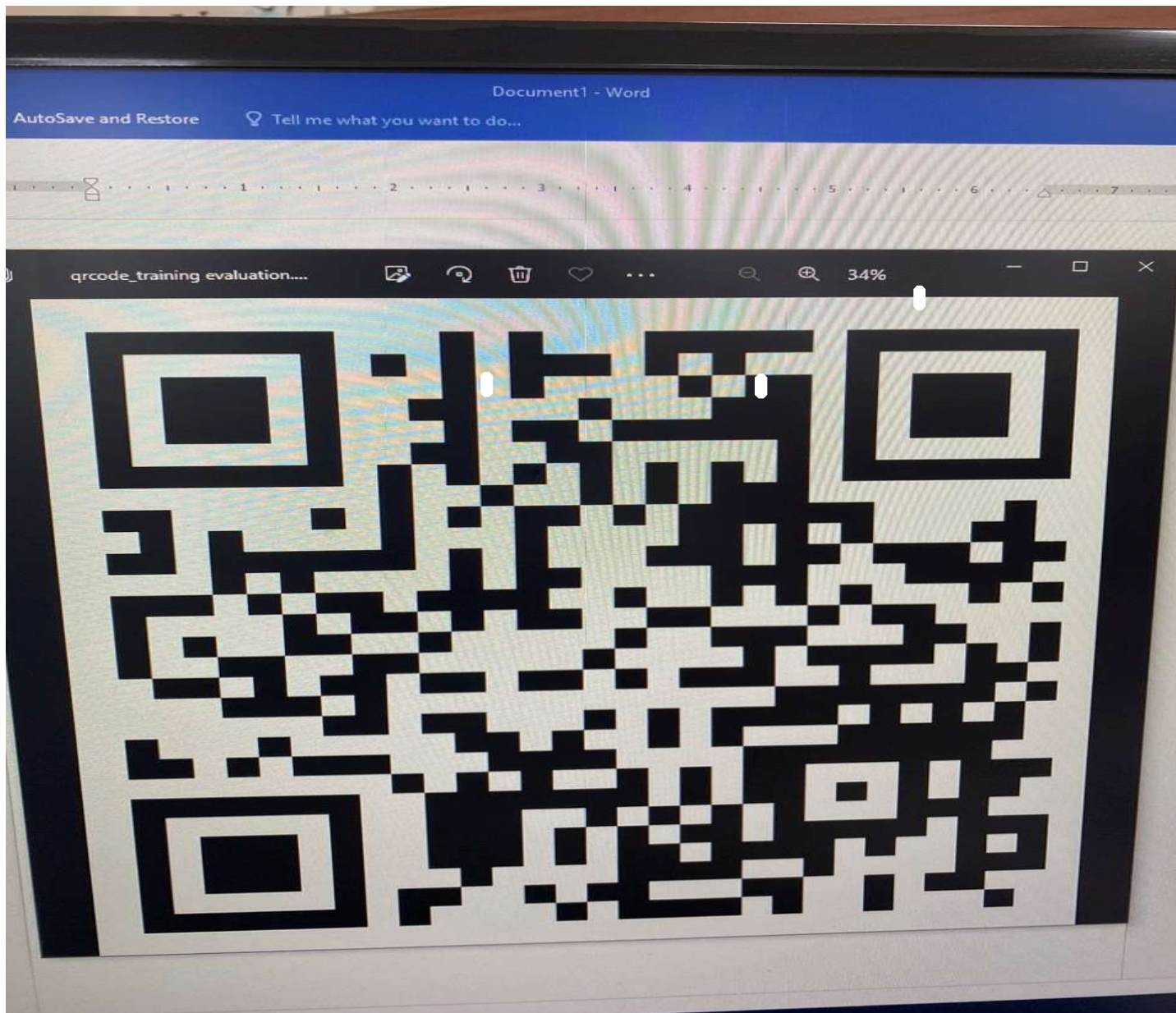
Nhược điểm

- L/C không phải là hình thức thanh toán an toàn tuyệt đối vì việc thanh toán dựa trên chứng từ, không phải dựa trên chất lượng hàng hóa. Do đó, có thể người mua sẽ gặp bất lợi khi nhận hàng không đúng với chất lượng.
- Mất nhiều thời gian ở khâu lập và kiểm tra chứng từ.
- Chi phí giao dịch với ngân hàng lớn.
- Chi phí lưu hàng, bảo quản hàng hóa tại cảng lớn nếu chứng từ sai sót và bên mua không nhận được hàng.



CÁCH KHAI THÔNG TIN PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN TRÊN TỜ KHAI

“BIENMAU”: Biên mẫu; “DA”: Nhờ thu chấp nhận chứng từ;
“CAD”: Trả tiền lấy chứng từ; “CANTRU”: Cấn trừ, bù trừ;
“CASH”: Tiền mặt; “CHEQUE”: Séc; “DP”: Nhờ thu kèm chứng
từ; “GV”: Góp vốn; “H-D-H”: Hàng đổi hàng; “H-T-N”: Hàng trả
nợ; “HPH”: Hồi phiếu; “KHONGTT”: Không thanh toán; “LC”:
Tín dụng thư; “LDDT”: Liên doanh đầu tư; “OA”: Mở tài khoản
thanh toán; “TTR”: Điện chuyển tiền (bao gồm cả “TT” và
“TTr”); “KC”: Khác Lưu ý: trường hợp thanh toán các hình thức
khác thì nhập mã “KC” đồng thời nhập phương thức thanh
toán thực tế vào ô “Chi tiết khai trị giá”.





**CHUYÊN NGHIỆP – MINH BẠCH – HIỆU QUẢ
BẢO VỆ CHỦ QUYỀN LỢI ÍCH QUỐC GIA**

